

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Kim Tuyền
2. Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, KP.5, P.H, TX.C, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Vũ Hùng L, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 4, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai ngày 31/10/2022, biên bản hòa giải ngày 17/01/2023, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị Đ và anh L tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2010, anh L bị tai nạn giao thông nên có ảnh hưởng đến

vấn đề thần kinh, anh L thường xuyên uống rượu say rồi về cầm dao đuổi đánh chị Đ khiến chị Đ không dám về nhà. Từ tháng 02/2019 đến nay, chị Đ đã không còn chung sống với anh L nữa. Hiện nay, chị Đ đã không còn tình cảm với anh L, không muốn tiếp tục sống chung với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đ và anh L có 03 con chung tên là Vũ Văn D, sinh năm 1998; Vũ Văn D1 sinh năm 1999 và Vũ Minh T, sinh năm 2004. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Hùng L vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Đ và anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L cư trú tại xã Thuyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh L và chị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân huyện Hón Quản quyết định giải quyết vắng mặt anh L, chị Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn xác định chị Đ, anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Theo chị Đ, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên ăn nhậu rồi về đuổi đánh chị Đ. Mặc dù chính quyền địa phương không biết anh L và chị Đ có mâu thuẫn hay không nhưng từ năm 2019 đến nay, chị Đ và anh L đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên không cần thiết kéo dài quan hệ hôn nhân của anh L, chị Đ. Chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh L có 03 con chung là Vũ Văn D, sinh năm 1998; Vũ Văn D1, sinh năm 1999 và Vũ Minh T, sinh năm 2004. Khi ly hôn, cả 03 con chung đã trưởng thành, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Vũ Hùng L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 20/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là xã T, huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014148 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải